

Số: 26 / 2020/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Truyền thông;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) bao gồm phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí; cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức và cá nhân khác.

2. Việc cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm tiền gửi, Luật Phòng, chống rửa tiền được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Vụ, Cục, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là tổ chức tín dụng).
3. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ngân hàng Nhà nước thành lập hoặc Ngân hàng Nhà nước được giao làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý).
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 3. Người thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước gồm:
 - a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Thống đốc);
 - b) Người được Thống đốc giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên (sau đây gọi là người phát ngôn);
 - c) Người được Thống đốc ủy quyền thực hiện phát ngôn (sau đây gọi là người được ủy quyền phát ngôn) hoặc giao nhiệm vụ phối hợp cùng người phát ngôn thực hiện phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.
2. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước không phải người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn thì không được nhân danh Ngân hàng Nhà nước khi phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Điều 4. Nội dung thông tin phát ngôn và cung cấp cho báo chí

1. Chủ trương, chính sách, pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng).
2. Văn bản chỉ đạo, điều hành của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng.
3. Thông tin, số liệu, tình hình diễn biến về tiền tệ và ngân hàng.
4. Thông tin liên quan đến việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; cấp, thu hồi giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho tổ chức không phải là ngân hàng; thông tin về việc mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể và kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
5. Thông tin về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

6. Thông tin về hoạt động và tài chính của doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hình thức phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Đăng tải nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước (trang tiếng Việt và tiếng nước ngoài); nội dung, thời hạn và đơn vị cung cấp thông tin được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức họp báo.

3. Phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn của báo chí.

4. Gửi thông cáo báo chí, nội dung trả lời cho báo chí bằng văn bản hoặc qua thư điện tử.

5. Các hình thức cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

1. Người phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau:

a) Khi xảy ra các sự kiện, vấn đề quan trọng có tác động lớn trong xã hội hoặc dư luận xuất hiện nhiều ý kiến không thống nhất về vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn hệ thống ngân hàng;

b) Khi các cơ quan báo chí, cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các nội dung, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước đã được nêu trên báo chí hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại điểm a Khoản này;

c) Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng, phát thông tin sai sự thật về lĩnh vực do Ngân hàng Nhà nước quản lý, người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng, phát ý kiến phản hồi cải chính theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nội dung thông tin liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau mà Ngân hàng Nhà nước được giao chủ trì xử lý, Ngân hàng Nhà nước thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Đối với các doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý, khi có các thông tin bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), doanh nghiệp phải cung cấp thông tin kịp thời để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Thống đốc:

a) Thống đốc có thể trực tiếp phát ngôn hoặc giao nhiệm vụ cho người phát ngôn hoặc người được ủy quyền phát ngôn thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

b) Thống đốc tổ chức chỉ đạo việc chuẩn bị các thông tin và chế độ phát ngôn của Ngân hàng Nhà nước.

2. Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn:

a) Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn được nhân danh đại diện Ngân hàng Nhà nước phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

b) Có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan thu thập, cung cấp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất theo quy định của Thông tư này;

c) Có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Báo chí;

d) Có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Thông tư này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thống đốc về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí;

đ) Trong trường hợp các cơ quan báo chí đăng, phát không chính xác nội dung thông tin mà người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn đã phát ngôn, người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn có quyền nêu ý kiến phản hồi bằng văn bản đến cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án.

3. Vụ Truyền thông:

a) Đầu mối tổ chức thực hiện quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước; cung cấp thông tin có tính chất truyền thông về tiền tệ và ngân hàng theo quy định; tổ chức các cuộc họp báo của Ngân hàng Nhà nước và các cuộc họp báo khác có liên quan;

b) Thu thập thông tin từ báo chí và các nguồn thông tin khác liên quan đến tiền tệ và ngân hàng, kịp thời báo cáo, tham mưu cho Thống đốc các biện pháp xử lý;

c) Đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị liên quan thực hiện việc đính chính, phản hồi ý kiến của Ngân hàng Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật trong trường hợp thông tin cung cấp, đăng tải không chính xác; giải quyết các nội dung thông tin ảnh hưởng đến niềm tin của công chúng nhằm đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng và an ninh tiền tệ quốc gia;

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc ngành Ngân hàng trong việc tổ chức xuất bản và phát hành các tài liệu truyền thông, ấn phẩm liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ hoặc có tác động đến hệ thống ngân hàng theo quy định của pháp luật.

4. Các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

a) Phối hợp với Vụ Truyền thông cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này và chỉ đạo của Thống đốc để phục vụ việc phát ngôn và cung cấp

thông tin của Ngân hàng Nhà nước; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của thông tin cung cấp;

b) Trong quá trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp với Vụ Truyền thông tham mưu, đề xuất các vấn đề, nội dung đề cung cấp thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên địa bàn các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản chỉ đạo, điều hành của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng;

b) Khi nhận được đề nghị cung cấp thông tin của báo chí liên quan đến điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng ngoài thông tin quy định tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thông tin kịp thời và phối hợp với Vụ Truyền thông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và minh bạch theo đúng quy định.

6. Doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm phối hợp với Vụ Truyền thông Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến việc triển khai các chính sách về tiền tệ, ngân hàng và thông tin dư luận quan tâm liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, đảm bảo tính chính xác, toàn diện và đúng quy định của pháp luật.

Chương III

CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC

Điều 8. Đối tượng được cung cấp thông tin

1. Cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật hoặc theo quy chế phối hợp công tác giữa Ngân hàng Nhà nước với các cơ quan này.

2. Các tổ chức quốc tế mà Chính phủ Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước có cam kết cung cấp thông tin, Chính phủ các nước theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

3. Tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Phạm vi thông tin cung cấp

Phạm vi thông tin cung cấp là các thông tin về tiền tệ và ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thẩm quyền cung cấp thông tin

1. Thống đốc là người có thẩm quyền quyết định việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin cho các đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này theo chỉ đạo hoặc ủy quyền của Thống đốc.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quyết định việc cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật;

b) Cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn theo chỉ đạo hoặc ủy quyền của Thống đốc.

4. Doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý, các tổ chức tín dụng phối hợp với Văn phòng Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến việc triển khai chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, những thông tin ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Hình thức cung cấp thông tin

1. Thống đốc quyết định hình thức cung cấp thông tin và giao một đơn vị làm đầu mỗi cung cấp thông tin.

2. Đơn vị đầu mỗi phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung, trình Thống đốc duyệt để gửi đối tượng được cung cấp thông tin.

Điều 12. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các Vụ, Cục, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cá nhân thuộc ngành Ngân hàng được giao cung cấp thông tin, làm đầu mỗi cung cấp thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thống đốc về thông tin đã cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo đảm bí mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2021 và thay thế Thông tư số 48/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc phát ngôn và cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Truyền thông làm đầu mỗi hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này và tổng hợp, báo cáo Thống đốc.

2. Các đơn vị thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm gửi báo cáo bằng văn bản cho Vụ Truyền thông trước ngày 15 tháng 6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15 tháng 12 (đối với báo cáo năm) để tổng hợp, trình Thống đốc.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. / *Đ* /

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 14;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra); /
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTh (3b). *ua*

Đ. **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú



Phụ lục

**CÁC THÔNG TIN VỀ TIỀN TỆ VÀ NGÂN HÀNG CUNG CẤP ĐỊNH KỲ TRÊN
CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2020/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
I	Chủ trương, chính sách pháp luật về tiền tệ và ngân hàng			
1	Văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng	Vụ Pháp chế	Khi phát sinh	Theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật
2	Thông cáo báo chí về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-NHNN ngày 28/9/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
II	Quyết định điều hành của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng			
1	Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định	Vụ Chính sách tiền tệ	Khi thay đổi	Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
2	Tỷ giá trung tâm	Vụ Chính	Hàng ngày	Trước 9h ngày hiệu lực

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
		sách tiền tệ		
3	Quyết định điều hành khác của Thống đốc về tiền tệ và ngân hàng	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
III	Thông báo liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng			
1	Thông tin liên quan đến việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; thông tin về việc mua, bán, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, phá sản, giải thể tổ chức tín dụng	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi ban hành quyết định
2	Chấp thuận mở rộng mạng lưới của tổ chức tín dụng	Vụ Truyền thông	Khi phát sinh	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi ban hành văn bản
3	Thông tin về hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng quý	Trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
4	Danh sách các tổ chức không phải là ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Vụ Thanh toán	Khi có thay đổi	Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ khi cấp giấy phép/văn bản chấp thuận
IV	Tình hình diễn biến tiền tệ và hoạt động ngân hàng			
1	Diễn biến lãi suất của tổ chức tín dụng đối với	Vụ Chính	Hàng tháng	Trong vòng 10 ngày kể từ

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
	khách hàng	sách tiền tệ		khi kết thúc tháng báo cáo
2	Diễn biến lãi suất bình quân trên thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 02 của tuần sau
3	Kết quả hoạt động của thị trường liên ngân hàng	Sở Giao dịch	Hàng ngày	Trước 9h ngày làm việc thứ 02 kể từ ngày thị trường giao dịch
4	Kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở	Sở Giao dịch	Từng phiên	Ngay sau khi có kết quả đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở
5	Kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc	Sở Giao dịch	Từng phiên	Ngay sau khi có kết quả đấu thầu tín phiếu kho bạc
6	Tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác để xác định giá tính thuế	Vụ Chính sách tiền tệ	Thứ năm hàng tuần (hoặc ngày làm việc liền trước ngày Thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày nghỉ, ngày lễ)	Trước 9h ngày hiệu lực đầu tiên
7	Tỷ giá Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước	Sở Giao dịch	Hàng ngày	Trước 10h ngày hiệu lực
8	Kết quả mua bán vàng miếng	Sở Giao dịch	Khi phát sinh	Ngay sau khi có kết quả
9	Diễn biến thị trường ngoại tệ	Vụ Chính sách tiền tệ	Hàng tuần	Ngày làm việc thứ 02 của tuần sau
10	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo, thống kê	Tháng/quý/năm	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
11	Tỷ trọng tiền mặt trong lưu thông trên tổng phương tiện thanh toán	Vụ Dự báo, thống kê	Hàng tháng	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
12	Cán cân thanh toán quốc tế	Vụ Dự báo, thống kê	Quý/Năm	Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
13	Tốc độ tăng trưởng và số dư tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tín dụng (chi tiết theo tổ chức kinh tế và dân cư)	Vụ Dự báo, thống kê	Tháng/quý/năm	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
14	Tốc độ tăng trưởng và dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế (chi tiết theo ngành kinh tế)	Vụ Dự báo, thống kê	Tháng/quý/năm	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
15	Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng quý	Trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
16	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn điều lệ/vốn được cấp (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
17	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của vốn tự có (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
18	Tốc độ tăng trưởng và số tuyệt đối của tổng tài sản có (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
19	Tỷ lệ an toàn vốn (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
20	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo; riêng số liệu kỳ tháng 12 hàng năm, thời hạn công bố trong vòng 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
21	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Hàng tháng	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo; riêng số liệu tháng 12 hàng năm, thời hạn công bố là 45 ngày kể từ khi kết thúc tháng báo cáo
22	Hệ số ROA - Lợi nhuận trên Tổng tài sản (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III	Trong vòng 50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo
			Cả năm	Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
23	Hệ số ROE - Lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu (chi tiết theo loại hình tổ chức tín dụng)	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Quý I, II, III	Trong vòng 50 ngày kể từ ngày kết thúc quý báo cáo
			Cả năm	Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính
24	Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch của hệ thống thanh toán quốc gia	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
25	Số lượng máy, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
26	Số lượng thẻ ngân hàng đang lưu hành	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
27	Số lượng giao dịch và giá trị giao dịch thanh toán nội địa theo các phương tiện thanh toán	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
28	Số lượng giao dịch, giá trị giao dịch thanh toán nội địa qua kênh Internet Banking và Mobile Banking	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
29	Số lượng và tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân	Vụ Thanh toán	Hàng quý	Trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc quý báo cáo
30	Kết quả điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng	Vụ Dự báo, thống kê	Khi có kết quả điều tra	Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết quả điều tra được phê duyệt
31	Các thông tin về hoạt động và tài chính của ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại có vốn nhà nước do Ngân hàng Nhà nước là đại diện vốn chủ sở hữu	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng	Theo quy định	Theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
				doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước
32	Các thông tin về hoạt động và tài chính của doanh nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý	Vụ Tài chính – Kế toán	Theo quy định	Theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước
33	Công khai ngân sách	Vụ Tài chính - Kế toán	Theo quy định	Theo quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về

STT	Nội dung thông tin	Đơn vị đầu mỗi cập nhật	Định kỳ cung cấp	Thời hạn cung cấp
				công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
34	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Đơn vị đầu mỗi soạn thảo	Khi phát sinh	


